

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THANH THU'**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THANH THU'

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH THU CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH THU CONSTRUCTION .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108815216

**3. Ngày thành lập:** 08/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 108 phố Thanh Vị, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: *companythanhthu2019@gmail.com* Website: *com*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                            | 3312        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212(Chính) |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229        |
| 10. | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291        |
| 11. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292        |
| 12. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293        |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 14. | Phá dỡ                                                                | 4311        |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329        |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330        |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa   | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4653 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4752 |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4759 |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4791 |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4799 |
| 29. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 30. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5224 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ vận tải hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5229 |
| 32. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Hoạt động đo đạc và bản đồ</p> <p>Khảo sát địa hình;</p> <p>Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình</p> <p>Thiết kế kiến trúc công trình;</p> <p>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;</p> <p>Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình giao thông;</p> <p>Giám sát thi công xây dựng</p> <p>Quản lý chất lượng xây dựng công trình;</p> <p>Quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng,</p> <p>Tư vấn quản lý dự án</p> <p>Thi công xây dựng công trình</p> <p>Quản lý chi phí đầu tư xây dựng</p> <p>Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</p> <p>Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</p> <p>Đo bóc khối lượng;</p> <p>Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</p> <p>Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</p> <p>Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</p> <p>Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng</p> <p>Tư vấn Lựa chọn nhà thầu</p> <p>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật)</p> | 7110 |
| 34. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: Trang trí nội thất</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 35. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710 |
| 36. | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7730 |
| 37. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 7.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 08/07/2019 đến ngày 07/08/2019

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHAN THỊ THANH THỦY | Căn hộ 2-15, CC A1, 54 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000     | 750.000.000           | 10,000    | 013231537                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          | Tổng số                   | 75.000     | 750.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM HỒNG ĐỨC       | Khu dân cư Cầu Dũ, Phường Trung Sơn Trầm, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 600.000    | 6.000.000.000         | 80,000    | 001077018457                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          | Tổng số                   | 600.000    | 6.000.000.000         | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                                               |                                    |        |             |        |           |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 3 | PHAN THANH<br>NGA | Căn hộ 2-15, CC<br>A1, 54 phố Hạ<br>Đình, Phường<br>Thanh Xuân<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 75.000 | 750.000.000 | 10,000 | 013231569 |
|   |                   |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                                                               | Tổng số                            | 75.000 | 750.000.000 | 10,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM HỒNG ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/09/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077018457

Ngày cấp: 28/02/2018

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư Cầu Dù, Phường Trung Sơn Trầm, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 408, CC A1, 54 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội